TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 19/2024/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Hồng Huế là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán và cung ứng dịch vụ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-KDTM ngày 17/10/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N; Địa chỉ: A đường N, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình H – chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1993; Bà Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2002; Cùng địa chỉ: Số C, đường H, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Trụ sở: Lô A, khu công nghiệp C, khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (viết tắt là công ty N) – ông Nguyễn Tấn L và và Nguyễn Ngọc Tường V cùng thống nhất trình bày:

Ngày 05/5/2021 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và công ty TNHH MTV S (viết tắt là công ty S1) ký hợp đồng kinh tế, theo đó công ty N sẽ thực hiện công việc là cung cấp, lắp sàn nhựa vân gỗ công nghiệp cho công ty S1 theo đúng quy cách, chất lượng, số lượng, trong đó thông số kỹ thuật của vật liệu, giá cả từng loại sản phẩm được thể hiện cụ thể trên báo giá. Công ty N đã

thực hiện công việc của mình theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Hai bên thống nhất phương thức thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của công ty N hoặc sécHh hHH. Thời gian thanh toán là trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty TNHH MTV S ký biên bản nghiệm thu sản phẩm và công ty TNHH MTV S nhận được hóa đơn tài chính. Bên công ty TNHH MTV S đã tiến hành nghiệm thu sản phẩm và không có ý kiến gì. Công ty N đã suất và gửi hóa đơn số 00000011 ngày 27/9/2022 với số tiền là 291.384.000 đồng cho công ty TNHH MTV S. Công ty N đã nhiều lần yêu cầu công ty TNHH MTV S bằng văn bản, email về việc trả nợ nhưng công ty TNHH MTV S vẫn không thanh toán nợ. Vì vậy, công ty N khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH MTV S thanh toán tiền nợ với tổng số tiền là 340.318.058 đồng trong đó nợ gốc là 291.384.000 đồng và lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 28/10/2022 đến ngày 27/6/2024 với số tiền 48.934.058 đồng

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đóng mộc sao y của công ty); Hợp đồng kinh tế số 05/05/HĐ NNV/DSF ngày 05/5/2021 (đóng mộc sao y của công ty); Báo giá sàn nhựa vân gỗ công nghiệp (phô tô); Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000011 ngày 27/9/2022 (đóng mộc sao y của công ty); Giấy đề nghị thanh toán (đóng mộc sao y công ty) Giấy thông báo nhắc nợ lần 1, 2,3,4,5,6,7,8,9,10 (đóng mộc sao y công ty); Biên bản cuộc họp ngày 27/12/2022 (phô tô); Giấy ủy quyền (bản chính)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn công ty TNHH MTV S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu số tiền lãi suất bị đơn phải trả là 48.369.744 đồng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

Bị đơn vắng mặt không lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty N buộc công ty TNHH MTV S phải trả cho công ty N số tiền 291.384.000 đồng nợ gốc và lãi suất.

Về án phí: Đề nghị xem xét theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của công ty N phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc cung cấp hàng hóa, thực hiện lắp đặt thi công sàn nhựa gỗ trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, Tòa án xác định tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là còn thiếu sót nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp như đã nêu trên.

{2}Về thẩm quyền: Bị đơn Công Signature Home Furnishings có địa chỉ tại KCN C, ấp B, xã T, huyện C (nay là KP.2, P. T, thị xã C), tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành.

{3} Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu.

{4} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đối với số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cho rằng Công ty TNHH MTV S (viết tắt là công ty S1) và công ty N ký hợp đồng kinh tế, theo đó công ty N sẽ thực hiện công việc là cung cấp, lắp sàn nhựa vân gỗ công nghiệp cho công ty S1. Công ty N đã thực hiện công việc của mình theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bên công ty TNHH MTV S đã tiến hành nghiệm thu sản phẩm và không có ý kiến gì. Công ty N đã suất và gửi hóa đơn số 00000011 ngày 27/9/2022 với số tiền là 291.384.000 đồng cho công ty TNHH MTV S. Công ty N đã nhiều lần yêu cầu công ty TNHH MTV S bằng văn bản, email về việc trả nợ nhưng công ty TNHH MTV S vẫn không thanh toán số tiền nợ 291.384.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp bị đơn tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh bị đơn đã thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tại văn bản số 3226/CT-TTKT2 ngày 23/9/2024 của cục thế tỉnh B xác định công ty S có kê khai thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng 00000011 ngày 27/9/2022 nêu trên nên việc công ty S có nhận hàng và sử dụng các dịch vụ của Công ty N theo hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền 291.384.000 đồng là sự thật.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty S còn nợ công ty N Nhà V1 số tiền 291.384.000 đồng trong việc cung cấp hàng hóa và cung ứng dịch vụ và buộc công ty S phải trả cho công ty N số tiền 291.384.000 đồng nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại.

[5] Đối với yêu cầu lãi suất: Các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005, Công ty N được quyền tính lãi từ thời điểm Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu tính lãi của công ty N từ ngày 28/10/2022 đến ngày 27/6/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, mức lãi suất theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử là 15,6%/năm (tương đương 1,3%/tháng): Ngân hàng N1 (14,25%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần N2 (13,5%/năm) và Ngân hàng Thương mại cổ phần C (19,05%/năm). Yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính là 0,83% /tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và bản án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Theo đó, Công tySignature Home F còn nợ công ty N số tiền gốc 291.384.000 đồng theo hóa đơn số 00000011 ngày 27/9/2022.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83 %/tháng là không vượt quá mức lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu lãi suất chậm trả cụ thể trước đây nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi chậm trả là 48.934.058 đồng, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi suất là 48.369.744 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Do đó, công ty S phải trả lãi phát sinh tương ứng là: 291.384.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng (từ ngày 28/10/2022 đến ngày 27/6/2024 là 48.369.744 đồng.

Tổng cộng số tiền Signature Home F phải trả Công ty N là 339.753.744 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 16.987.687 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty N buộc công ty TNHH MTV S phải trả cho công ty N số tiền 291.384.000 đồng nợ gốc và 48.369.744 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV S phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.987.687 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 8.507.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0004339 ngày 09/7/2024.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TX Chơn Thành;
- Chi cục THADS TX Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh